TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/DS-PT
Ngày: 20 – 5 - 2020

V/v tranh chấp: "Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất" và "Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Tha phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Bà Nguyễn Thị An Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 15 và 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất" và "Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS- ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Th là ông Nguyễn Văn Thi, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: số 96, đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 1, Phường IV, Tha phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 20-8-2019, có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Chị Huỳnh Thị Bích Tuy, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Anh Đào Quốc L, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị K, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Bà Đào Thị Kim Á (tên gọi khác: Vũ), sinh năm 1979 (có mặt).

3.3. Bà Đào Thị Hồng Lo, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L H, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3.4. Anh Đào Quốc D, sinh năm 1997 (có mặt).

3.5. Chị Đào Thị Kim Tuy, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3.6. Anh Lê Hồng T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

3.7. Chị Nguyễn Thị Duy, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3.8. Văn phòng Công chứng Bến Cầu.

Địa chỉ trụ sở: Số 1175, đường Nguyễn Văn Độ, khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn M - Chức vụ: Trưởng văn phòng (có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đào Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/11/2016, chị Đào Thị Th được mẹ ruột là bà Lê Thị K L hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích 166,6m^2 Thuộc thửa số 453, tờ bản đồ số 32, tại ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (đất có nguồn gốc của bà nội chị Th là cụ Đào Thị Tr). Hợp đồng tặng cho được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Bến Cầu, số công chứng 1338, quyển số 08/2016. Sau đó, chị

Th đăng ký được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây ghi tắt là GCNQSDĐ) số: CS03453 ngày 24-11-2016. Trên thửa đất số 453/166,6m^2 có một căn nhà tường cấp 4 diện tích 110,5m^2 và mái che diện tích 24,5m^2 là của vợ chồng chị Huỳnh Thị Bích Tuy và anh Đào Quốc L (là anh ruột của chị Th), việc anh L, chị Tuy xây dựng nhà thì có xin cha mẹ (ông Đào Long Tha và bà Lê Thị K) cất tạm trên đất vào năm 2009. Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì chị Th có yêu cầu chị Tuy, anh L di dời tài sản trên đất, trả lại đất cho chị Th nhưng chị Tuy không chấp nhận, còn anh L chấp nhận. Do đó, chị Th yêu cầu chị Tuy, anh L cùng có nghĩa vụ di dời nhà và mái che trả lại thửa đất số 453/166,6m^2 cho chị Th, chị Th không phải bồi thường. Nếu chị Tuy, anh L có nhu cầu chuyển nhượng lại diện tích 166,6m^2 thì chị Th đồng ý chuyển nhượng theo giá thị trường do hai bên thỏa Thận.

Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/11/2016 theo số công chứng 1338 là vô hiệu và hủy GCNQSDĐ số CS03453 ngày 24-11-2016 của chị Tuy đối với chị Th thì chị Th không chấp nhận vì thửa đất số 453/166,6m^2 chị Th được bà K tặng cho, đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định, chị Th đã được cấp GCNQSDĐ là hợp pháp.

Bị đơn – chị Huỳnh Thị Bích Tuy trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 166,6m^2 nằm trong diện tích hơn 09m ngang giáp đường 786 của bà nội chồng là cụ Đào Thị Tr. Sau khi chị Tuy và anh L kết hôn thì đến năm 2007 sống chung với cụ Tr, lo lắng chăm sóc cho cụ Tr, còn lúc này cha mẹ chồng (ông Tha, bà K) sống ở nơi khác. Đến khi cụ Tr chết năm 2008 thì ông Tha, bà K có ra điều kiện với vợ chồng chị Tuy là xây dựng cho ông Tha, bà K một căn nhà tường cấp 04 có chiều ngang 4,3m x chiều dài hết đất, còn lại cho 05m ngang giáp đường 786 thì cho vợ chồng chị Tuy 04m và bán 01m với giá 60.000.000 đồng, vợ chồng chị Tuy đồng ý với điều kiện của ông Tha, bà K. Năm 2009, vợ chồng chị Tuy đã xây dựng nhà cho ông Tha, bà K xong, tiền xây nhà cộng với tiền chuyển nhượng đất hơn 300.000.000 đồng. Việc bà K, ông Tha ra điều kiện cho đất và bán 01m ngang đất thì các bên chỉ thỏa Thận bằng lời nói, không L văn bản nhưng tất cả các Tha viên trong gia đình ai cũng biết, trong đó có cả chị Th đều thống nhất. Tuy nhiên, sau khi xây nhà xong thì vợ chồng chị Tuy thường xuyên xảy ra mâu Thẫn, nguyên nhân là do anh L có tình cảm với người phụ nữ khác. Anh L khởi kiện yêu cầu ly hôn vào năm 2010, nhưng anh L luôn bị bà K, chị Th, chị Á phản đối nên anh L rút đơn khởi kiện và bỏ nhà đi nơi khác sống.

Đến năm 2014, anh L tiếp tục khởi kiện ly hôn, chị Tuy xét thấy không thể hòa giải đoàn tụ nên thống nhất Thận tình ly hôn với anh L. Chị Tuy và anh L có L "Tờ thỏa Thận" ngày 29/9/2014 và văn bản thỏa Thận khác được chứng thực tại Văn phòng công chứng Bến Cầu, nội dung văn bản thể hiện: Anh L giao nhà, đất đang ở cho chị Tuy và con chung để ở, đối với đất các nơi khác thì chị Tuy hưởng để làm vốn kinh doanh nuôi con và có nghĩa vụ trả hết số tiền nợ chung 370.000.000 đồng, chị Tuy đã trả nợ chung xong.

Nay chị Th khởi kiện yêu cầu chị Tuy di dời tài sản là căn nhà tường cấp 4 có diện tích 110,5m^2 và mái che diện tích 24,5m^2, trả lại thửa đất số: 453/166,6m^2 cho chị Th thì chị Tuy không chấp nhận. Bởi lẽ, chị Tuy đã thực hiện đúng thỏa Thận với bà K, ông Tha và trả tiền mua đất xong. Hơn nữa, sau khi ly hôn chị Tuy đã trả hết nợ chung và anh L thỏa Thận giao nhà, đất cho chị Tuy, không còn là tài sản chung giữa chị Tuy và anh L nên việc anh L thỏa Thận với chị Th, đồng ý di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho chị Th là vô hiệu.

Ngày 16/4/2018, chị Tuy có yêu cầu hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS03295 ngày 24/8/2016 cấp cho chị Th thửa đất số 454/139,5m^2 tờ bản đồ 32 do bà K cho. Tuy nhiên, chị Tuy thấy rằng chị Tuy và anh L đã thực hiện xong thỏa Thận với bà K, ông Tha nên nhà và thửa đất số 454/139,5m^2 là tài sản chung của bà K và ông Tha, việc bà K tặng cho chị Th thì chị Tuy không có ý kiến, chị Tuy rút yêu cầu phản tố đối với yêu này.

Đối với việc bà K L hợp đồng tặng cho chị Th thửa đất số: 453/166,6m^2 là bà K đã vi phạm thỏa Thận giữa bà K, ông Tha với chị Tuy, anh L và xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị Tuy. Do đó, chị Tuy giữ nguyên yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và chị Th ngày 04/11/2016 (số công chứng 1338) là vô hiệu và huỷ GCNQSDĐ số CS03453 ngày 24/11/2016 cấp cho chị Th.

Bị đơn – anh Đào Quốc L đã khai:

Anh L và chị Tuy kết hôn và sống chung nhà với cụ Tr vào năm 2007. Sau khi cụ Tr chết thì anh L có xin bà K, ông Tha xây dựng nhà trên đất thì bà K, ông Tha đồng ý nhưng chỉ cho ở tạm chứ không cho đất. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên năm 2010 anh L khởi kiện ly hôn với chị Tuy, sau đó anh L rút đơn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn nên năm 2014 anh L và chị Tuy Thận tình ly hôn theo Quyết định số: 157/2014/QĐST-HNGĐ ngày 07-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn, anh L và chị Tuy L "Tờ thỏa thuận" ngày 29/9/2014 và các tài sản khác là đất tại ấp Long Châu, xã Long Kh và ấp L H, xã Long Thuận thuộc huyện Bến Cầu giao cho chị Tuy hưởng để nuôi con và chị Tuy có nghĩa vụ trả số nợ chung 370.000.000 đồng. Đối với "Tờ thỏa thuận" ngày 29/9/2014, thì anh L chỉ thỏa thuận giao toàn bộ nhà và tài sản khác trên đất mà anh L và chị Tuy xây dựng vào năm 2009 trên đất tranh chấp cho chị Tuy sở hữu để ở và nuôi con, không thỏa thuận giao đất vì đất này là của bà K, ông Tha. Nay bà K đã tặng đất cho chị Th thì anh L không có ý kiến vì trước đây anh L có ký tên để mẹ anh L được đứng tên đất. Nay chị Th yêu cầu anh L và chị Tuy di dời nhà, tài sản trên đất và trả lại đất cho chị Th thì anh L chấp nhận. Đối với nhà, tài sản này thì anh L thống nhất đã giao cho chị Tuy hưởng nên chị Th có nghĩa vụ trả tiền cho chị Tuy số tiền đã xây nhà là 160.000.000 đồng, anh L không có tranh chấp gì và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị K trình bày:

Thửa đất số 453, diện tích 166,6m^2 đang tranh chấp giữa chị Th và chị Tuy, anh L thuộc một phần diện tích ngang khoảng 09m x dài 36 của mẹ chồng là cụ Tr. Năm 2007, khi anh L (con ruột của bà) kết hôn với chị Tuy thì về sống chung nhà với cụ Tr trong căn nhà thiết cất trên diện tích đất này. Năm 2008, cụ Tr chết thì vợ chồng anh L có hỏi xin vợ chồng bà K, ông Tha tháo dỡ căn nhà của cụ Tr, cất một căn nhà để sửa xe gắn máy, vợ chồng bà K nghĩ chỉ cất nhà tạm nên đồng ý. Tuy nhiên, sau đó bà K biết vợ chồng anh L xây dựng nhà kiên cố (như hiện nay), bà K có hỏi thì anh L trả lời là sau này cũng để vợ chồng bà K ở. Sau đó vợ chồng anh L, chị Tuy xây dựng tiếp một cái kho chứa xe gắn máy có diện tích ngang 04m x dài 11m giáp căn nhà của vợ chồng anh L ở, nghĩ rằng con cái xây dựng nhà cửa để ở, làm ăn nên bà K, ông Tha không có ý kiến phản đối. Đến năm 2011, do ông Tha bị bệnh, nên bà K cùng ông Tha, chị Th từ trong ruộng thuộc ấp Ngã Tắc, xã Long Thận về sống trong căn nhà kho chứa xe của vợ chồng anh L để Thận tiện cho việc đi lại chăm sóc và điều trị bệnh cho ông Tha. Đến năm 2012, ông Tha chết, bà K và chị Th tiếp tục ở trong căn nhà này. Khi ở đây thì chị Th có bỏ tiền ra xây dựng thêm nhà vệ sinh, phòng khách tiếp giáp kho chứa xe đến dài hết đất.

Năm 2016, bà K cùng các con chung của bà K và ông Tha L văn bản thỏa thuận giao toàn bộ diện tích đất do cụ Tr chết để lại cho bà K hưởng thừa kế. Bà K kê khai đăng ký và đã được cấp GCNQSDĐ số CĐ557688 (thửa 152/306,1m^2 tờ bản đồ 32).

Ngày 21/7/2016, bà K thực hiện việc tách thửa đất số: 152/306,1m^2 Tha 02 thửa số: 453/166,6m^2 và thửa số: 454/139,5m^2.

Tuy nhiên, từ khi xây dựng nhà xong, vợ chồng ông L, bà Tuy không chăm sóc, lo lắng cho vợ chồng bà K mà do con ruột là chị Th lo lắng nên bà K L hợp đồng tặng cho chị Th 02 thửa đất số: 453/166,6m^2 và 454/139,5m^2, hợp đồng tặng cho được chứng thực tại Văn phòng công chứng Bến Cầu.

Sau khi được tặng cho, chị Th đăng ký và được cấp GCNQSDĐ. Đến năm 2017, chị Th chuyển nhượng thửa đất số: 454/139,5m^2 cùng với căn nhà trên đất (do chị Th sửa chữa xây dựng thêm từ kho chứa xe của anh L, chị Tuy) cho vợ chồng anh T, chị Duy với giá 485.000.000 đồng, số tiền này chị Th đã nhận xong và anh T, chị Duy đã được cấp GCNQSDĐ. Đối với thửa đất số: 453/166,6m^2 thì bà K chỉ cho chị Th đất, còn nhà và tài sản trên đất là của anh L, chị Tuy xây dựng năm 2009.

Trước khi chị Th khởi kiện tại Tòa án thì có kêu chuyển nhượng cho chị Tuy nhưng bà Tuy không nhận chuyển nhượng nên xảy ra tranh chấp. Do đó, chị Tuy có nghĩa vụ di dời tài sản trên đất, trả lại thửa đất số: 453/166,6m^2 cho chị Th, không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tuy. Ngoài ra, bà K không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng T, chị Nguyễn Thị Duy đã khai:

Năm 2016, vợ chồng anh T nhận chuyển nhượng đất diện tích ngang 4,3m x dài 31,5m, trên đất có một căn nhà tường cấp 04 diện tích ngang 4,2m x dài 31,5m với giá thực tế 485.000.000 đồng từ chị Th. Vợ chồng anh T và chị Th thỏa thuận giá trị ghi trong hợp đồng là 300.000.000 đồng, nhưng thực tế vợ chồng anh T đã giao đủ cho chị Th 485.000.000 đồng. Vợ chồng anh T đã được cấp GCNQSDĐ đúng với diện tích đã chuyển nhượng. Trong vụ kiện tranh chấp giữa chị Th và chị Tuy thì vợ chồng anh T không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Kim Á, chị Đào Thị Hồng Lo đã khai:

Cha mẹ là ông Đào Long Tha và bà Lê Thị K; ông Tha, bà K có tất cả 04 người con, gồm: Đào Quốc L, Đào Thị Th và chị Á, chị Lo. Sau khi ông Tha chết thì các anh em thống nhất giao cho bà K hưởng đất của cụ Tr chết để lại. Bà K đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ. Việc bà K tặng cho đất đối với chị Th thì chị Á, chị Lo không có ý kiến, đối với tranh chấp giữa chị Th với chị Tuy, anh L thì do các bên tự giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Quốc D trình bày, chị Đào Thị Kim Tuy đã khai:

Anh D, chị Tuy là con ruột của ông L và bà Tuy. Từ ngày ông L, bà Tuy ly hôn năm 2014 cho đến nay thì anh D, chị Tuy do bà Tuy chăm sóc, nuôi dưỡng. Diện tích thửa đất 166,6m^2 mà ông L, bà Tuy xây cất nhà ở là do ông bà nội là bà K, ông Tha cho từ khi anh D còn nhỏ, gia đình anh D đã ở từ đó cho đến khi bà Th được cấp GCNQSDĐ. Do đó, anh D, chị Tuy đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của bà Th, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tuy.

Người đại diện của Văn phòng Công chứng Bến Cầu là ông Hồ Văn Muôn đã khai:

Ngày 04/11/2016, Văn phòng đã tiến hành công chứng hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà K và bà Th (số công chứng 1338, quyển số: 08/2016/TP/VPCC-SCC/HĐGD) là hoàn toàn đúng với qui định của pháp luật, không vi phạm 01 trong 08 trường hợp được qui định từ Điều 122 đến Điều 130 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và giữa bà K, bà Th cũng không có thỏa thuận để hủy bỏ hợp đồng đã ký. Do đó, việc bà Tuy yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu là trái với qui định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS- ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 122, 123, 129, 132, 137, 158, 160, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 97, 100 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Th đối với chị Huỳnh Thị Bích Tuy và anh Đào Quốc L, về việc trả lại diện tích đất 166,6m^2

thuộc thửa số: 453 tờ bản đồ số 32, có tứ cận Đông giáp: tỉnh lộ 786 dài 5,3m; Tây giáp: đất ông Phạm Văn Võng, thửa 315, dài 6,3m; Nam giáp: thửa 454, đất anh T, dài 32,61m; Bắc giáp: thửa 153, đất ông Phạm Minh Hổ, dài 31,54m và di dời căn nhà có diện tích 110,5m^2, mái che diện tích 24,5m^2 trên thửa đất số 453 để trả lại đất.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Bích Tuy về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị K và chị Đào Thị Th L ngày 04/11/2016 (số công chứng 1338) là vô hiệu.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bích Tuy về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CE 967973 ngày 22-02-2017 cấp cho anh Lê Hồng T và chị Nguyễn Thị Duy. Chị Tuy có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự.

Bản án còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/8/2019, chị Đào Thị Th kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Bích Tuy về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và chị Th vô hiệu; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chi Th yêu cầu anh L, chị Tuy trả diện tích đất 166,6m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Th giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Đào thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Cụ Đào Thị Tr sinh năm 1931, cụ có 01 người con là ông Đào Long Tha sinh năm 1958; ông Tha kết hôn với bà Lê Thị K, có 4 con chung là anh Đào Quốc L, chị Đào Thị Kim Á, chị Đào Thị Th, chị Đào Thị Hồng Lo. Anh Đào Quốc L kết hôn với chị Huỳnh Thị Bích Tuy, có 02 con chung là Đào Quốc D và Đào Thị Kim Tuy.

Đất tranh chấp diện tích 166,6 m^2 có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của cụ Đào Thị Tr được UBND huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ cho cụ Tr vào ngày 11/10/2005, diện tích 308,9 m^2, thửa dất số 98, tờ bản đồ số 09, tọa

lạc tại ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, giấy có số phát hành AC 999406, số vào sổ HL 00504/QSDĐ/828/2005/QĐ-UB.

Năm 2007, do nhu cầu cần chuyển nhượng đất để lấy tiền sinh sống, tự chăm sóc bản thân nhưng ông Tha, anh L ngăn cản không cho cụ chuyển nhượng nên cụ Tr đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh yêu cầu ông Tha, anh L trả diện đất cụ Tr cho cất nhà tạm làm nơi sửa xe. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 155/2007/QĐST-DS ngày 15/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu đã quyết định công nhận sự thỏa thuận: *Ông Đào Long Tha và anh Đào Quốc L chấp nhận di dời căn nhà có diện tích 6,3m x 6,2m = 39,06 m^2 để trả diện tích đất 69,3 m^2 cho cụ Tr, đất có tứ cận: Đông giáp đường 786, Tây giáp đất bà Đào Thị Tr, Nam giáp đất bà Đào Thị Tr, Bắc giáp đất ông Phạm Mạnh Hổ* (đây là vị trí đất hiện nay chị Tuy, anh L xây nhà ở).

Quyết định trên chưa được thi hành án thì cụ Tr chết ngày 10/02/2008, không để lại di chúc. Ông Đào Long Tha chết ngày 17/12/2011, không để lại di chúc.

Ngày 04/01/2016, bà K và các con của bà K, ông Tha là chị Á, anh L, chị Th, chị Lo L văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, giao cho bà Lê Thị K được hưởng tòa bộ diện tích đất do cụ Tr chết để lại, có số đo mới là 306,1 m^2, thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32. Ngày 06/6/2016, bà Lê Thị K được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy CNQSDĐ số phát hành CĐ 547892, số vào sổ CS01322.

Ngày 08/8/2016, bà K L 01 hợp đồng tặng cho chị Th một phần của thửa đất số 152 nêu trên có diện tích 139,5 m^2, tách Tha thửa đất số 454, tờ bản đồ số 32. Ngày 24/8/2016 chị Th được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ có có số phát hành CĐ 557687, số vào sổ CS03295.

Ngày 04/11/2016, bà K L 01 hợp đồng tặng cho chị Th hết phần còn lại của thửa đất số 152 nêu trên, có diện tích 166,6 m^2, tách Tha thửa đất số 453, tờ bản đồ số 32. Ngày 24/11/2016 chị Th được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ có số phát hành CE 967048, số vào sổ CS03453 (đây là phần đất tranh chấp).

Ngày 07/02/2017, chị Th chuyển nhượng phần đất diện tích 139,5 m^2 cho anh Lê Hồng T, chị Nguyễn Thị Duy (cả nhà đất). Ngày 22/02/2017, anh Hồng, chị Duy được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ có có số phát hành CE 967973, số vào sổ CS03600.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Đào Quốc L và chị Huỳnh Thị Bích Tuy:

Anh L, chị Tuy tổ chức lễ cưới, sống chung như vợ chồng từ năm 1996, đăng ký kết hôn ngày 25/11/2002. Anh chị sống chung với cha mẹ chồng, đến năm 2007 sống chung với cụ Tr. Sau khi cụ Tr chết, năm 2009 anh chị xây nhà ở trên đất tranh chấp.

Năm 2014, anh L khởi kiện xin ly hôn.

Tại Quyết định số 157/2014/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa Thận của các đương sự: Về tài sản chung: Anh L và chị Tuy tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Tổng cộng 357.200.000 đồng (vốn gốc) giao chị Tuy trả.

Hồ sơ vụ kiện xin ly hôn thể hiện:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2014, chị Tuy khai tài sản chung "có gồm ruộng 1,2 ha, 04 phần đất. Khi ly hôn, tôi và anh L tự thỏa thuận" (BL22).

Tại Tờ thỏa thuận L ngày 29/9/2014, anh L, chị Tuy thỏa thuận: *"Phần đất mà tôi và chị Tuy xây nhà sinh sống tại ấp Long Hòa, xã Long Thuận là đất mà mẹ anh L là bà Lê Thị K giao cho tôi và chị Tuy xây nhà sinh sống (chưa có tách bằng khoán đất) với điều kiện là vợ chồng tôi phải xây cho bà K 01 căn nhà liền kề với căn nhà vợ chồng tôi tại ấp Long Hòa, xã Long Thận, huyện Bến Cầu"*. Tờ thỏa thuận có 02 chữ ký của anh L, chị Tuy.

Ngoài hồ sơ vụ kiện xin ly hôn, ngày 12/9/2014 anh L, chị Tuy L Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng, được Văn phòng công chứng Bến Cầu chứng nhận, theo thỏa thuận anh L giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất cho chị Tuy gồm 05 phần đất, tổng diện tích 13.474,8 m^2, gồm: Diện tích 193,8 m^2 (50 m2 ONT + 143,8 m^2 CLN); diện tích 11.944,3 m^2 (LUC); diện tích 343,3 m^2 (ONT); diện tích 330,7 m^2 (150 m2 ONT + 180,7 m^2 CLN); diện tích 662,7 m^2 (LUC). Tất cả 05 phần đất đều được cấp GCNQSDĐ.

[4] Kết quả hòa giải ở cơ sở:

Biên bản hòa giải ngày 28/4/2017 của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Long Thuận thể hiện:

- Chị Tuy trình bày:

Năm 2009, khi chị Tuy xây nhà kiên cố gồm 2 căn, 01 căn anh L, chị Tuy ở và 01 căn cho mẹ chồng là bà Lê Thị K ở và có đưa ra điều kiện giao cho chị Tuy 01 phần đất 04 m và mua thêm 01 m nhưng khi đó không có làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng.

Giá 2 căn nhà lúc xây dựng năm 2009 có trị giá là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) nếu chị Th đồng ý hỗ trợ số tiền nói trên thì chị Tuy đồng ý trả lại đất, ngược lại thì chị Tuy không đồng ý.

Ngoài ra chị Tuy còn ý kiến: Việc chuyển nhượng đất từ mẹ chồng cho chị Th, chị Tuy không biết, mẹ chồng không hỏi ý kiến chị Tuy có mua đất hay không.

- Anh L trình bày: Trước đây vào năm 2009, cha mẹ anh là bà Lê Thị K và ông Đào Long Tha cho cất nhà ở trên đất, lúc đó vợ chồng chưa ly hôn. Về phần đất là của cha mẹ anh để lại, không có cho, anh L không ý kiến gì về đất.

- Bà K trình bày: Phần đất tranh chấp là của cụ Đào Thị Tr chết để lại cho bà. Trước đây bà có cho con bà là anh L và vợ anh L cất nhà ở trên đất nhưng không có cho đất. Hiện nay phần đất này bà K đã cho con là Đào Thị Th được quyền sử dụng, bà K không có ý kiến gì. Trước đây khi chị Tuy xây nhà giữa bà và chị Tuy không có giao kèo là cho đất chị Tuy và anh L. Chị Tuy xây dựng 01 căn nhà bà ở và 01 căn nhà kho (phần này hiện nay đã chuyển nhượng cho anh Lê Hồng T.

[5] Xét đơn kháng cáo của chị Đào Thị Th thì thấy rằng:

Phần đất diện tích diện tích 308,9 m^2, thửa dất số 98, tờ bản đồ số 09 (nay tách Tha 2 thửa đất có diện tích 139,5 m^2 và 166,6 m^2, thửa số 453, 454, tờ bản đồ số 32) tọa lạc tại ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh là thuộc quyền sử dụng của cụ Tr đã được UBND huyện Bến Cầu cấp GCNQSDĐ. Khi tuổi già, do ông Tha và anh L không chăm sóc, ngăn cản không cho cụ chuyển nhượng một phần diện tích đất lấy tiền lo cho mình nên cụ Tr khởi kiện yêu cầu ông Tha, anh L trả đất là có thật. Năm 2008, cụ Tr chết, không để lại di chúc nên ông Tha (con một) hưởng thừa kế tài sản cụ Tr chết để lại. Năm 2009, anh L, chị Tuy xây nhà trên đất cụ Tr chết để lại là tài sản ông Tha được thừa kế nhưng không có tài liệu, chứng cứ ông Tha tặng cho đất anh L, chị Tuy. Năm 2011 ông Tha chết không để lại di chúc nên tài sản này do bà K và các con là chị Á, anh L, chị Th, chị Lo được thừa kế.

Ngày 04/01/2016, chị Á, anh L, chị Th, chị Lo và bà K thỏa thuận giao tài sản thừa kế cho bà K hưởng, bà K được cấp GCNQSDĐ.

Ngày 08/8/2016, bà K tặng cho chị Th một phần có diện tích 139,5 m^2. Ngày 04/11/2016, bà K tiếp tục tặng cho chị Th hết phần còn lại có diện tích 166,6 m^2. Chị Th được cấp 02 GCNQSDĐ.

Ngày 07/02/2017, chị Th chuyển nhượng phần đất diện tích 139,5 m^2 cho anh Lê Hồng T, chị Nguyễn Thị Duy.

Như vậy, từ năm 2009 đến năm 2016, chị Tuy, anh L không có yêu cầu nào đối với ông Tha, bà K để anh chị được quyền sử dụng phần đất diện tích 166,6 m^2 anh chị đang cất nhà ở. Khi ly hôn năm 2014, chị Tuy cũng không yêu cầu bà K giao cho chị Tuy được đứng tên quyền sử dụng phần đất diện tích 166,6 m^2 .

Khi ly hôn, anh L có ký tên vào Tờ thỏa thuận L ngày 29/9/2014, nội dung thể hiện phần đất anh L, chị Tuy xây nhà sinh sống là đất bà K giao cho (chưa có tách bằng khoán đất) với điều kiện là vợ chồng anh L phải xây cho bà K 01 căn nhà liền kề với căn nhà vợ chồng anh L. Tờ thỏa thuận chỉ có anh L, chị Tuy ký tên, không có công chứng, chứng thực, không có ý kiến của các đồng thừa kế khác là bà K, chị Á, chị Th, chị Lo; bà K cũng không thừa nhận có thỏa thuận này với vợ chồng anh L. Sau khi ly hôn thì năm 2016 anh L là người đồng thừa kế đã giao tài sản thừa kế cho bà K hưởng.

Sau khi được hưởng tài sản, bà K đã tặng cho chị Th toàn bộ 02 phần đất diện tích 139,5 m^2 và 166,6 m^2. Năm 2017, chị Th bán nhà đất cho anh T, chị Duy (phần đất diện tích 139,5 m^2).

Nay chị Th yêu cầu chị Tuy, anh L giao trả đất diện tích 166,6 m^2, là tài sản do mẹ ruột là bà K được hưởng thừa kế, bà K tặng cho năm 2016. Cấp sơ thẩm cho rằng chị Tuy, anh L xây nhà ở kiên cố từ năm 2009 nhưng không ai ngăn cản, được coi là ông Tha, bà K cho nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th là không phù hợp với thực tế, không đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ chị Tuy không cung cấp được chứng cứ ông Tha, bà K tặng cho; không cung cấp thỏa thuận xây cho 01 căn nhà kế bên để cho đất. Sau khi cụ Tr chết, ông Tha chết thì GCNQSDĐ vẫn còn cụ Tr đứng tên đến năm 2016, bà K được các đồng thừa kế giao cho bà hưởng thừa kế, bà K được cấp GCNQSDĐ. Các GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp cho bà K, chị Th là đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 28/4/2017 của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Long Thuận thể hiện chị Tuy đồng ý trả đất với điều kiện chị Th phải trả 600.000.000 đồng tiền xây nhà, còn việc chuyển nhượng đất từ bà K cho chị Th, bà K không hỏi ý kiến chị Tuy có mua đất hay không. Do đó, không có căn cứ cho rằng chị Tuy, anh L được cho đất xây nhà ở.

Theo quy định của pháp luật về tặng cho quyền sử dụng đất thì hợp đồng phải được L Tha văn bản và phải đến khi đăng ký mới có hiệu lực. Vì vậy, nếu việc giao đất chỉ bằng miệng, chưa được cấp GCNQSDĐ thì dù đã xây dựng nhà ở, công trình kiên cố trên đất vẫn chỉ trường hợp cho mượn sử dụng.

Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị Th yêu cầu chị Tuy, anh L trả diện tích đất 166,6 m^2. Tuy nhiên, hiện nay trên đất có 01 căn nhà kiên cố do vợ chồng chị Tuy xây dựng, khi ly hôn anh L giao chị Tuy và các con chị đang sinh sống nên cần giao cho chị Tuy được quyền sử dụng phần đất diện tích 166,6 m2, chị Tuy sẽ giao cho chị Th giá trị đất tương ứng.

Phần đất diện tích 166,6 m^2 được định giá ngày 14/9/2017 có giá trị 399.840.000 đồng; định giá lại ngày 06/02/2020 có giá trị 1.156.812.000 đồng. Do đó, chị Tuy có nghĩa vụ trả cho chị Th 1.156.812.000 đồng.

Do chấp nhận yêu cầu của chị Th nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tuy yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị K và chị Đào Thị Th L ngày 04/11/2016 là vô hiệu.

Xét yêu cầu phản tố của chị Tuy còn có yêu cầu hủy các GCNQSDĐ của chị Th đứng tên, thấy rằng trường hợp cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án nếu thấy có đủ căn cứ phải tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và chị Th vô hiệu thì phải chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tuy yêu cầu hủy GCNQSDĐ do chị Th đứng tên (diện tích 166,6m^2), cấp sơ thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết vụ án mới đúng thẩm quyền (khi phải hủy GCNQSDĐ). Tuy nhiên, cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng

tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và chị Th vô hiệu là không có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân tỉnh lấy hồ sơ lên để giải quyết lại vụ án cho đúng thẩm quyền; cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bản án sơ thẩm ở phần nhận định chị Tuy rút yêu cầu hủy GCNQSDĐ chị Th đứng tên diện tích 139.5 m^2 nhưng bản án sơ thẩm ghi nhận đình chỉ yêu cầu của chị Tuy yêu cầu hủy GCNQSDĐ do anh T, chị Duy đứng tên GCNQSDĐ diện tích 139,5 m2 là không đúng yêu cầu nên cấp phúc thẩm ghi lại cho đúng.

Mặt khác, việc vợ chồng anh L, chị Tuy xây nhà kho hay xây nhà kiên cố trên đất diện tích 139,5 m^2, chị Th sữa chửa thêm và đã bán nhà đất cho anh T, chị Duy nên chị Tuy có khởi kiện đòi chi phí xây dựng hay không là quyền của chị Tuy, nếu khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá và lệ phí:

Tại cấp sơ thẩm: Chị Tuy chịu 1.990.000 đồng, chị Tuy đã nộp xong; chị Th chịu 6.600.000 đồng, chị Th đã nộp xong.

Tại cấp phúc thẩm: Chị Th chịu 3.300.000 đồng, chị Th đã nộp xong.

[7] Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Số tiền chị Tuy phải trả cho chị Th 1.156.812.000 đồng, chị Tuy phải chịu 46.704.000 đồng; do yêu cầu phản tố không được chấp nhận nên chị Tuy phải chịu 300.000 đồng. Tổng cộng chị Tuy phải chịu 47.004.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị Tuy còn phải nộp 46.704.000 đồng.

+ Chị Th không phải chịu nên hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.600.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Th không phải chịu nên hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 255, 256, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 97, 99, 100, 105 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị Th.

Sửa Bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Th đối với chị Huỳnh Thị Bích Tuy và anh Đào Quốc L, về việc trả lại diện tích đất 166,6m^2.

Chị Huỳnh Thị Bích Tuy được quyền sử dụng diện tích đất 166,6 m^2, Thộc thửa số 453, tờ bản đồ số 32, có tứ cận Đông giáp: tỉnh lộ 786 dài 5,3 m; Tây giáp: đất ông Phạm Văn Võng, thửa 315, dài 6,3 m; Nam giáp: thửa 454, đất ông T, dài 32,61 m; Bắc giáp: thửa 153, đất ông Phạm Minh Hổ, dài 31,54 m. Trong đó, có 84,4 m^2 đất ONT và 82,2 m^2 đất LGQH).

Chị Huỳnh Thị Bích Tuy có nghĩa vụ trả cho chị Th số tiền 1.156.812.000 (một tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm mười hai ngàn) đồng.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh Th hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Đào Thị Th ngày 24/11/2016 (có số phát hành CE 967048, số vào sổ CS03453), cấp lại quyền sử dụng đất cho chị Huỳnh Thị Bích Tuy cho phù hợp với quyết định này.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Bích Tuy về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị K và chị Đào Thị Th L ngày 04/11/2016 (số công chứng 1338) là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Thị Bích Tuy yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Đào Thị Th đứng tên diện tích 166,6 m^2, thửa đất số 453, tờ bản đồ số 32 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/11/2016, có số phát hành CE 967048, số vào sổ CS03453.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bích Tuy yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Đào Thị Th đứng tên có diện tích 139,5 m^2, thửa đất số 454, tờ bản đồ số 32 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/8/2016, có số phát hành CĐ 557687, số vào sổ CS03295.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá và lệ phí:

Chị Tuy chịu 1.990.000 đồng, chị Tuy đã nộp xong.

Chị Th chịu 9.900.000 đồng, chị Th đã nộp xong.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Tuy phải chịu 47.004.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Tuy đã nộp theo biên lai Th số 0021392 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, chị Tuy còn phải nộp 46.704.000 đồng.

+ Chị Th không phải chịu nên hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.600.000 đồng theo biên lai Th số 0020785 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Th không phải chịu nên hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai Th số 0022136 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Bến Cầu;
- Chi cục THADS h Bến Cầu;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tông